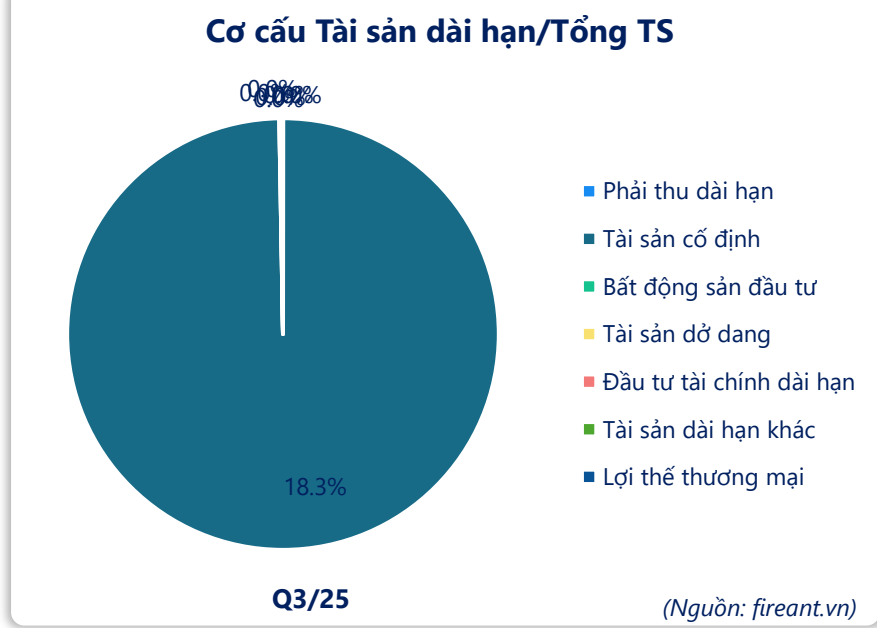
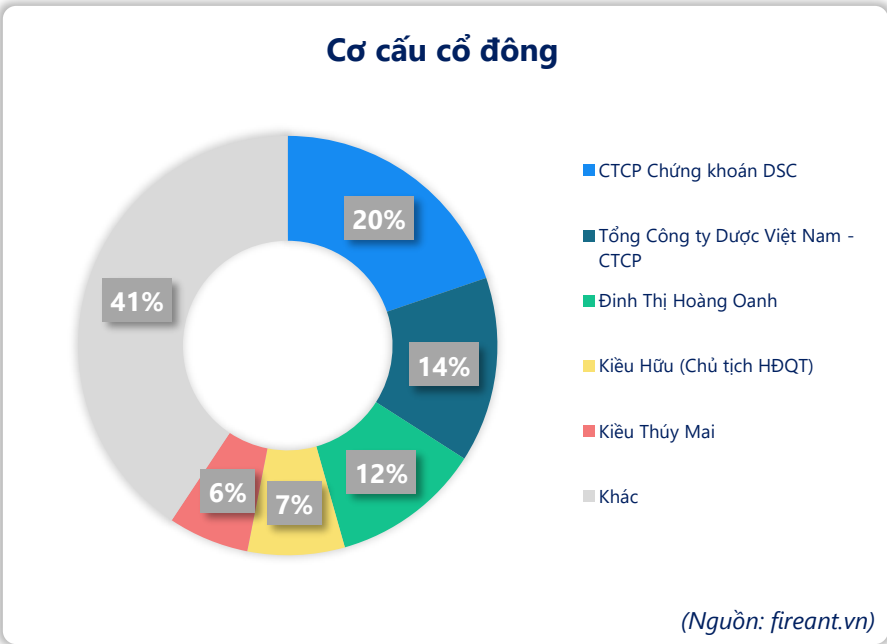
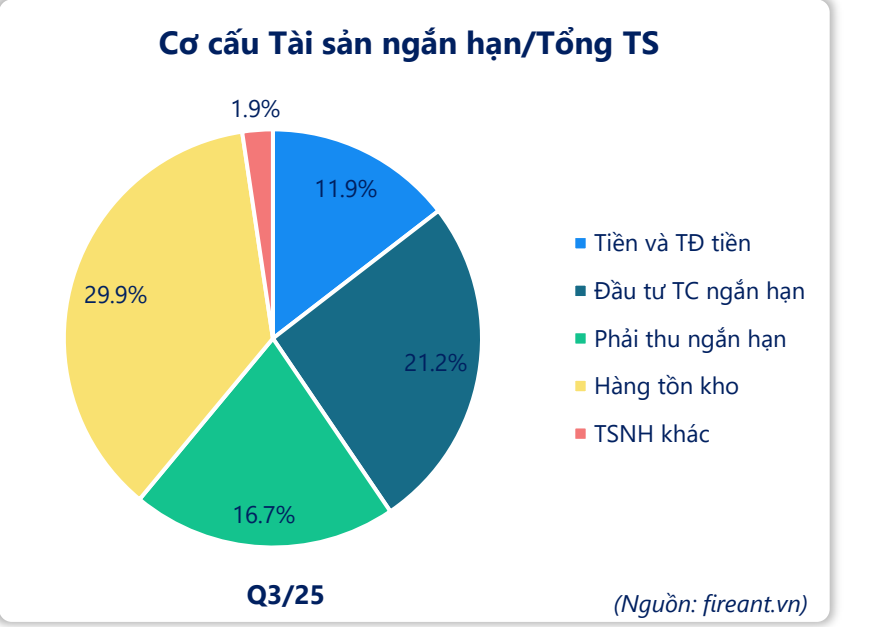
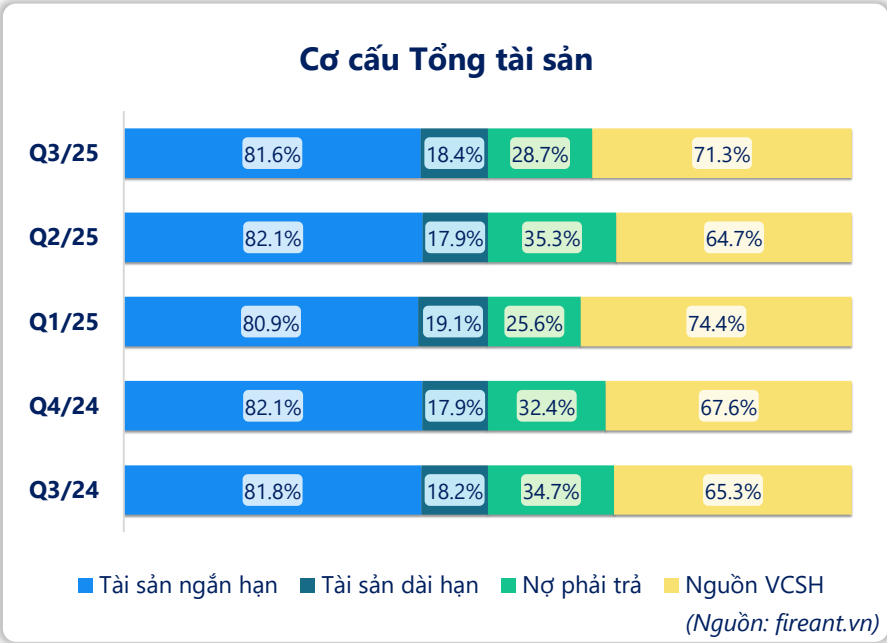
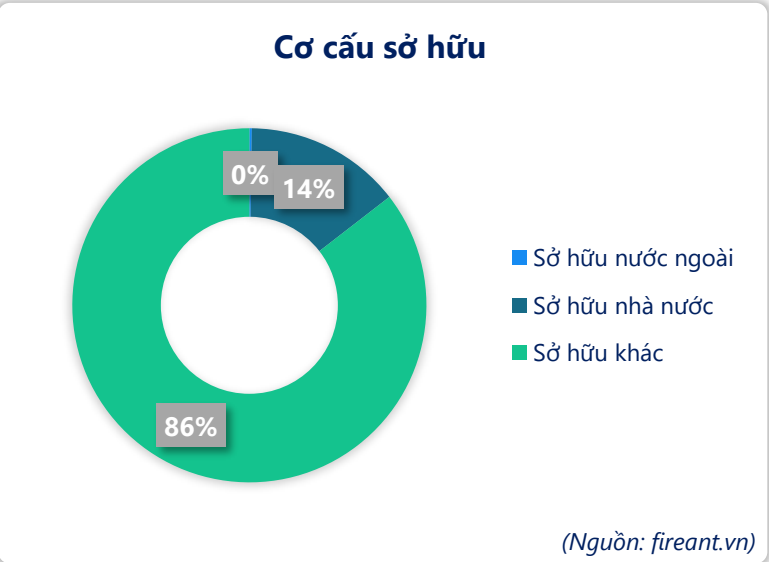
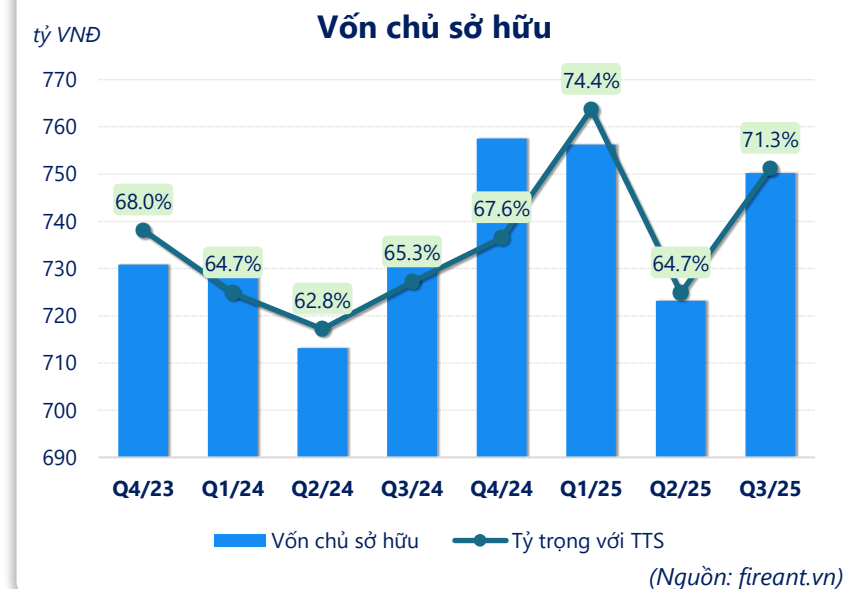
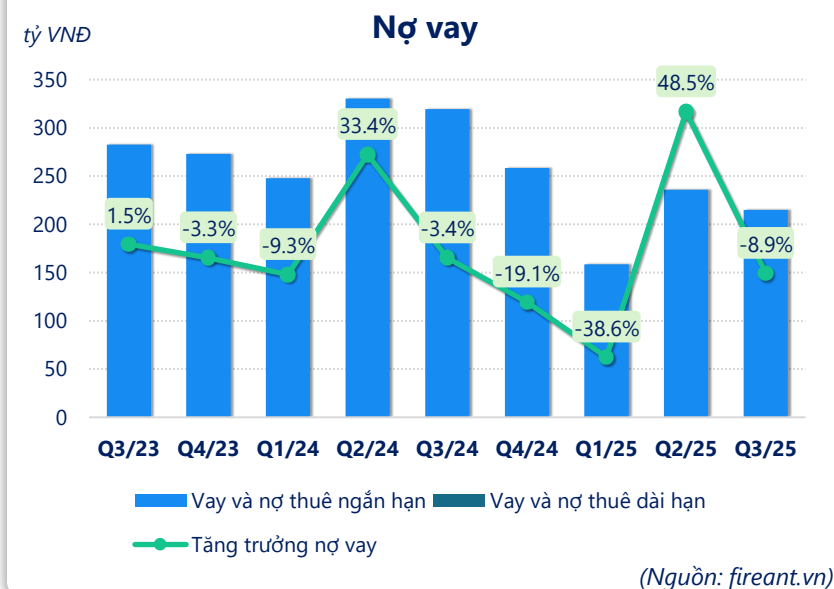
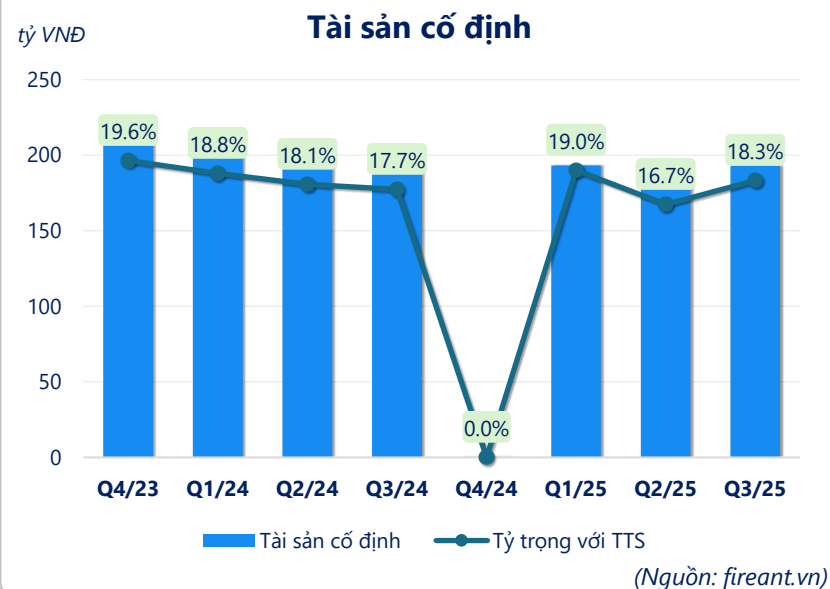
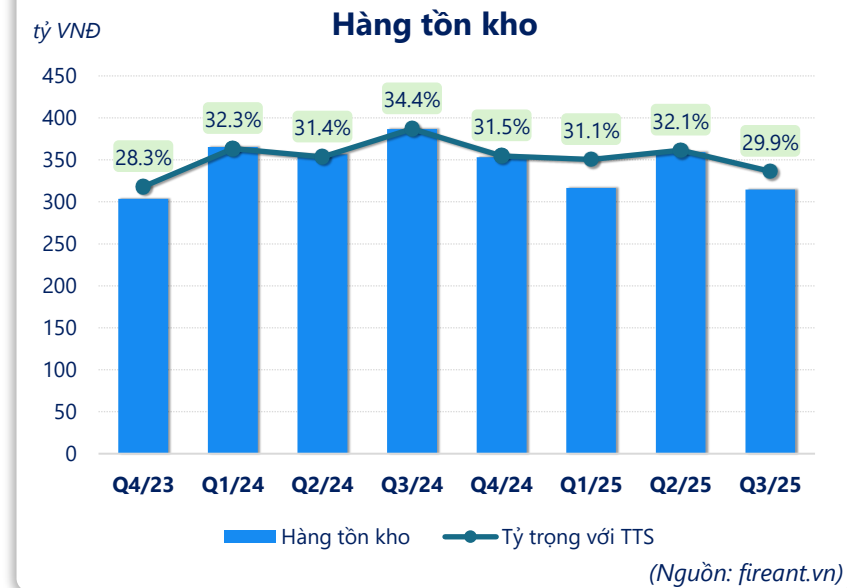
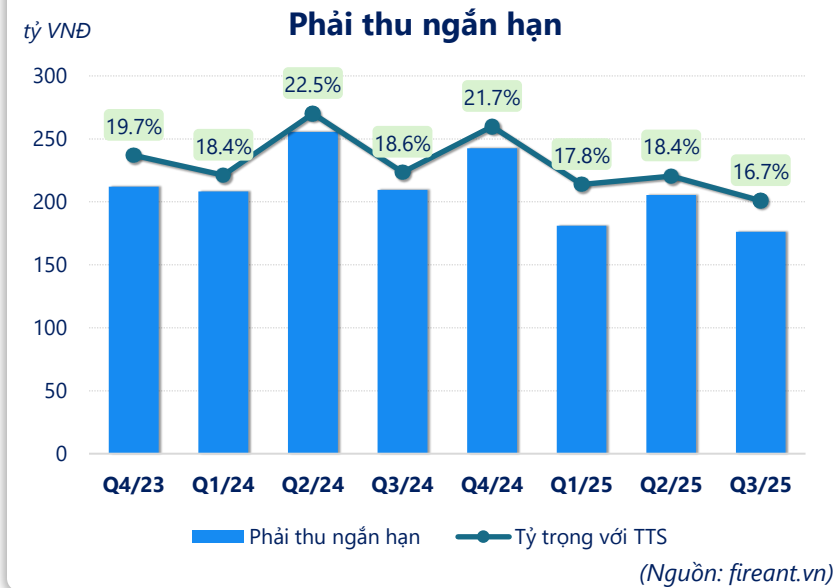
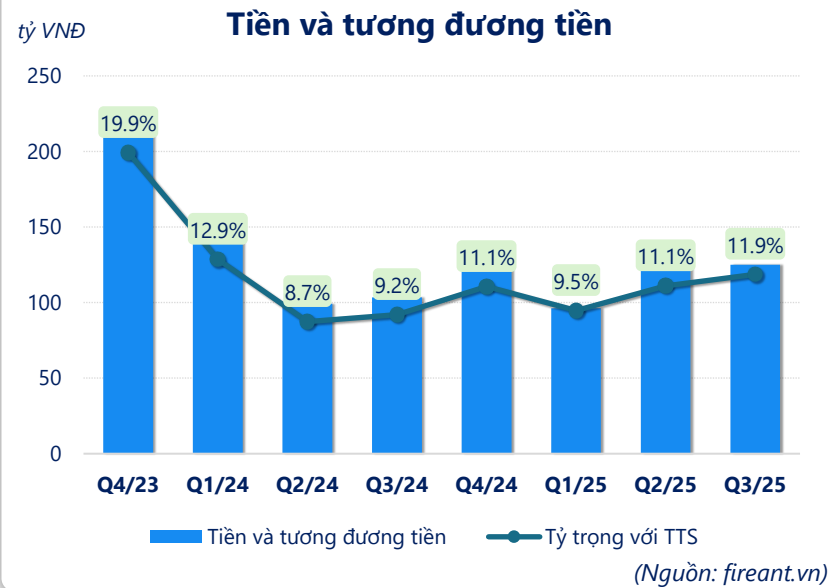
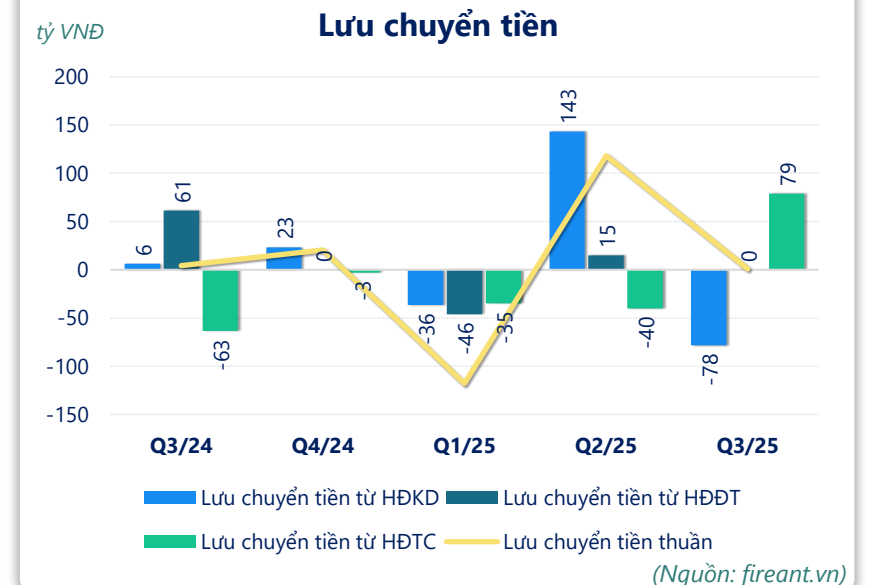
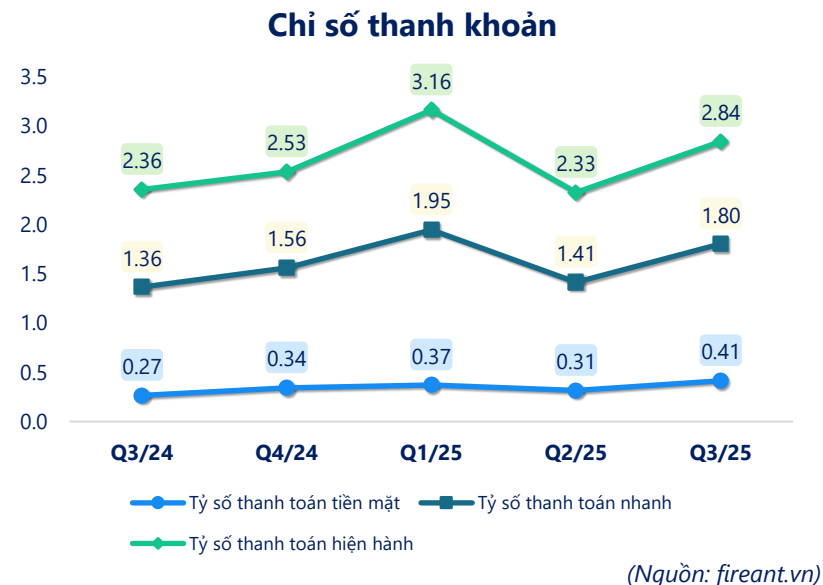
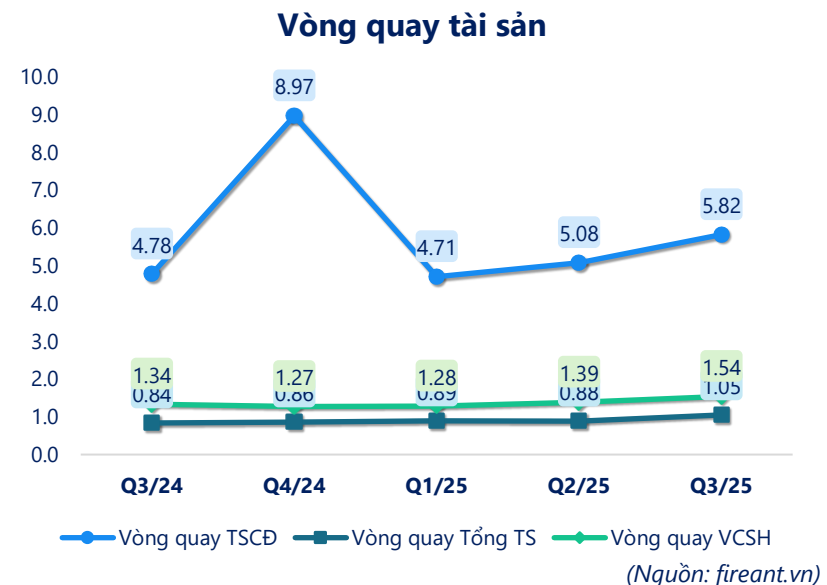
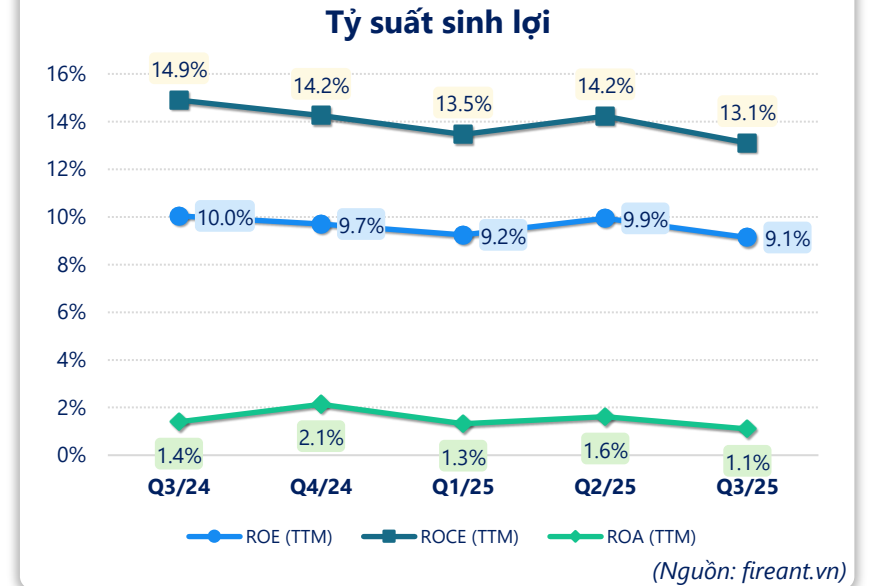
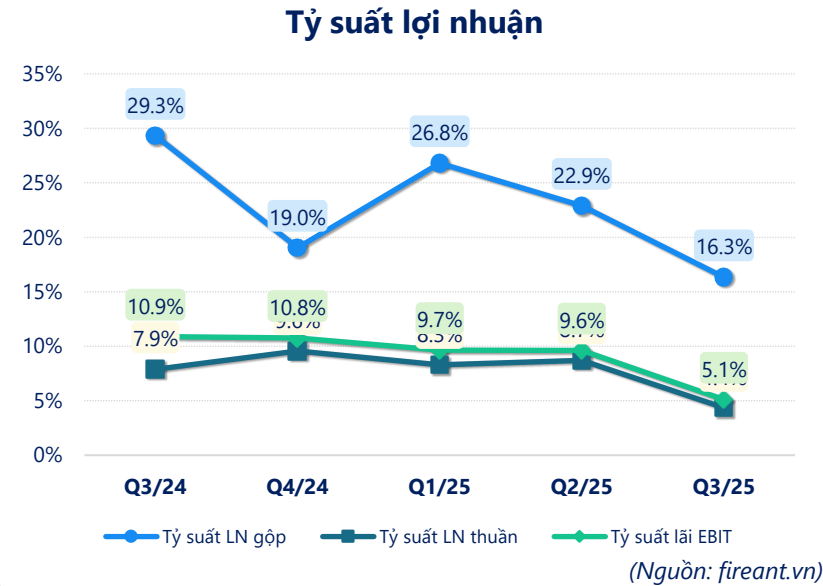
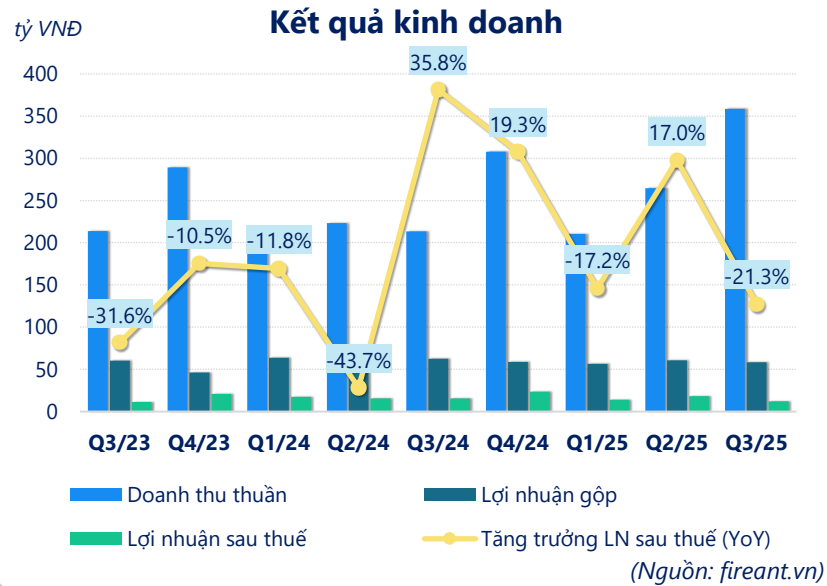


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		48,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,801
SL cổ phiếu LH		22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)		119,965
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,067
P/E		15.7
EPS		3,070

	YTD	1T	3T	6T
VDP	43.9%	9.5%	30.5%	39.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,052	1,126	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	859	922	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	125	124	0.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	223	193	15.6%
Phải thu ngắn hạn	176	256	-31.2%
Hàng tồn kho	315	346	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	20.2	3.06	561%
Tài sản dài hạn	193	204	-5.0%
Phải thu dài hạn	0.04	0.42	-91.6%
Tài sản cố định	193	195	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0.11	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.42	8.37	-95.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	302	374	-19.3%
Nợ ngắn hạn	302	374	-19.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	215	258	-16.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	50.7	-39.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	750	752	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	750	752	-0.2%
Vốn điều lệ	221	221	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	213	308	210	265	359
Giá vốn hàng bán	151	249	154	204	300
Lợi nhuận gộp	62.6	58.6	56.4	60.6	58.6
Doanh thu HĐTC	2.53	10.9	0.66	4.47	5.87
Chi phí TC	3.64	3.99	3.62	3.40	4.16
Chi phí lãi vay	3.64	3.64	2.49	2.49	3.14
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.8	5.11	23.0	25.3	28.9
Chi phí QLDN	17.8	31.0	13.0	13.3	15.8
LN thuần từ HĐKD	16.8	29.4	17.4	23.1	15.6
Lợi nhuận khác	2.77	0.08	0.38	-0.08	-0.45
LN trước thuế	19.6	29.5	17.8	23.0	15.2
Lợi nhuận sau thuế	15.6	23.4	14.1	18.2	12.0
LNST của CĐ cty mẹ	15.6	23.4	14.1	18.2	12.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.39	23.3	-36.4	143	-78.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.2	0	-46.3	14.8	0.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-63.3	-2.95	-35.0	-40.1	78.8
Tiền đầu kỳ	99.2	103	214	96.2	124
Lưu chuyển tiền thuần	4.28	20.4	-118	118	0.82
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0	0	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	103	124	96.2	124	125

(Nguồn: fireant.vn)